44/2020 VIET NAM - NORTH EAST COAST - HAI PHONG - Depths.

Source: Viet Nam Maritime Safety - North, Notice No. 63/2020/TBHH-TCTBĐATHHMB

Chart - VN50008 [*previous update 37/2020*]

Insert	depth, 7	20°48.95'N	106°53.90'E
	depth, 6_6	20°49.12'N	106°53.49'E
	depth, 6_6	20°50.04'N	106°47.20'E
	depth, 6_5	20°52.41'N	106°42.96'E
Replace	depth, 7_2, with depth, 7	20°50.65'N	106°46.29'E
	depth, 5_5, with depth, 5_3	20°51.79'N	106°43.70'E
	depth, 6_4, with depth, 5_6	20°52.64'N	106°42.13'E
	depth, 6 , with depth, 6_1	20°52.07'N	106°41.04'E
Delete	depth, 7_3	20°52.40'N	106°42.92'E
	depth, 6_4	20°52.53'N	106°42.67'E

(All positions are referred to WGS84 Datum)

44/2020 VIỆT NAM - BỜ BIỂN ĐÔNG BẮC BỘ - HẢI PHÒNG - Độ sâu.

Nguồn: Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc, Thông báo số 63/2020/TBHH-TCTBĐATHHMB

Hải đồ - VN50008 [*cập nhật trước 37/2020*]

Chèn	độ sâu, 7	20°48.95'N	106°53.90'E
	độ sâu, 6_6	20°49.12'N	106°53.49'E
	độ sâu, 6_6	20°50.04'N	106°47.20'E
	độ sâu, 6_5	20°52.41'N	106°42.96'E
Thay	độ sâu, 7_2, bằng độ sâu, 7	20°50.65'N	106°46.29'E
	độ sâu, 5_5, bằng độ sâu, 5_3	20°51.79'N	106°43.70'E
	độ sâu, 6_4, bằng độ sâu, 5_6	20°52.64'N	106°42.13'E
	độ sâu, 6 , bằng độ sâu, 6_1	20°52.07'N	106°41.04'E
Xoá	độ sâu, 7_3	20°52.40'N	106°42.92'E
	độ sâu, 6_4	20°52.53'N	106°42.67'E

(Tất cả các vị trí được tham chiếu theo hệ tọa độ WGS84)